

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2022

**QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA GIC VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ các yêu cầu đối với tổ chức đánh giá chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý trong các tiêu chuẩn ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17021-1, ISO/TS 22003, ISO 50003, ISO/IEC 27006, SAAS Procedure 201A và các quy định, chế định quốc tế có liên quan;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102007867 ngày 06 tháng 03 năm 2003, Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi ngày 18 tháng 10 năm 2021 của GIC Việt Nam;

Căn cứ Quy chế làm việc của Hội đồng Chứng nhận GIC Việt Nam;

Hội đồng Chứng nhận GIC Việt Nam ban hành Quy định chung về chứng nhận sản phẩm, hàng hóa và hệ thống quản lý như sau:

Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Tài liệu này quy định về hoạt động đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hóa và các hệ thống quản lý do GIC Việt Nam thực hiện nhằm đảm bảo các hoạt động chứng nhận này được tiến hành theo các quy định của pháp luật, khách quan và phù hợp với chuẩn mực quốc tế đối với hoạt động chứng nhận.

2. Phạm vi chứng nhận sản phẩm, hàng hóa và chứng nhận hệ thống quản lý do GIC Việt Nam thực hiện gồm:

a) Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa: chứng nhận sản phẩm, hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC) hoặc tiêu chuẩn nước ngoài (JIS - Nhật Bản, DIN - Đức v.v.); chứng nhận hợp quy QCVN theo ủy quyền của cơ quan có thẩm quyền. Khi không có sẵn tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế hoặc nước ngoài cho sản phẩm, hàng hóa đăng ký chứng nhận, GIC Việt Nam có thể xem xét, chứng nhận sản phẩm theo tiêu chuẩn cơ sở (TCCS) trong phạm vi được pháp luật cho phép.

b) Chứng nhận hệ thống quản lý:

- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hoặc tương đương;
- Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 hoặc tương đương;

- Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000/HACCP hoặc tương đương;
- Chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001 hoặc tương đương;
- Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001/ISO 45001 hoặc tương đương;
- Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO/IEC 27001 hoặc tương đương;
- Chứng nhận hệ thống quản lý trách nhiệm xã hội SA8000.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với GIC Việt Nam và các tổ chức/doanh nghiệp đăng ký chứng nhận sản phẩm, hàng hóa và/hoặc hệ thống quản lý.
2. Mọi tổ chức/doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu về chứng nhận trong Quy định này đều có thể đăng ký đánh giá cấp chứng nhận.

Chương II CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH ĐÁNH GIÁ CHỨNG NHẬN

Điều 3. Nộp bản đăng ký chứng nhận

1. Khi có nhu cầu chứng nhận sản phẩm, hàng hóa và/hoặc hệ thống quản lý, tổ chức/doanh nghiệp liên hệ với GIC Việt Nam để nhận được các thông tin, tài liệu sau:
 - Quy định chung về chứng nhận sản phẩm, hàng hóa và hệ thống quản lý của GIC Việt Nam;
 - Tài liệu giới thiệu về hệ thống chứng nhận của GIC Việt Nam và mẫu đăng ký đánh giá chứng nhận.
2. Tổ chức/doanh nghiệp hoàn chỉnh bản đăng ký theo mẫu và gửi cho GIC Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:
 - Tài liệu mô tả về sản phẩm, hàng hóa và/hoặc hệ thống đăng ký chứng nhận;
 - Các tài liệu khác theo yêu cầu riêng của từng hệ thống, sản phẩm, hàng hóa đăng ký chứng nhận.
3. GIC Việt Nam có thể đề nghị tổ chức/doanh nghiệp bổ sung hồ sơ hoặc cung cấp thêm thông tin khi cần thiết.

Điều 4. Thành lập đoàn chuyên gia đánh giá

1. Khi tổ chức/doanh nghiệp đã sẵn sàng cho cuộc đánh giá chứng nhận, GIC Việt Nam sẽ thành lập đoàn chuyên gia đánh giá bao gồm trưởng đoàn và thành viên khác.
2. Trưởng đoàn và chuyên gia đánh giá được lựa chọn trên cơ sở có năng lực và chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được đánh giá. Khi cần thiết, GIC Việt

Nam sẽ bổ sung chuyên gia kỹ thuật để hỗ trợ đoàn chuyên gia xem xét, đánh giá các vấn đề chuyên môn kỹ thuật của doanh nghiệp.

3. Tổ chức/doanh nghiệp được thông báo trước về thành phần đoàn chuyên gia đánh giá. Trường hợp có yêu cầu thay đổi chuyên gia, GIC Việt Nam sẽ xem xét và quyết định thay đổi nếu thấy sự tham gia của chuyên gia đánh giá có thể làm ảnh hưởng tới tính khách quan của kết quả đánh giá.

Điều 5. Đánh giá hệ thống quản lý

1. Đánh giá chứng nhận lần đầu hệ thống quản lý được tiến hành qua 2 giai đoạn: giai đoạn 1 và giai đoạn 2.

2. Đánh giá giai đoạn 1

a) Mục tiêu của đánh giá giai đoạn 1 là xem xét hệ thống văn bản, xác định các điều kiện, phạm vi và sự sẵn sàng của hệ thống cho việc chứng nhận.

b) Đánh giá giai đoạn 1 được thực hiện thông qua xem xét, đánh giá các tài liệu nhận được từ tổ chức/doanh nghiệp kết hợp với xem xét, đánh giá tại địa điểm của tổ chức/doanh nghiệp đăng ký chứng nhận.

c) Kết quả đánh giá giai đoạn 1 được lập thành văn bản và gửi cho tổ chức/doanh nghiệp khắc phục các vấn đề còn tồn tại (nếu có).

d) GIC Việt Nam có thể lặp lại cuộc đánh giá giai đoạn 1 nếu kết quả đánh giá cho thấy doanh nghiệp chưa sẵn sàng cho cuộc đánh giá giai đoạn 2 hoặc có những điểm không phù hợp nặng không giải quyết được trước khi đánh giá giai đoạn 2. Đánh giá giai đoạn 1 còn được thực hiện nếu khoảng thời gian giữa đánh giá giai đoạn 1 và đánh giá giai đoạn 2 vượt quá 6 tháng.

3. Đánh giá giai đoạn 2

a) Đánh giá giai đoạn 2 được thực hiện khi kết quả đánh giá giai đoạn 1 cho thấy tổ chức/doanh nghiệp đã sẵn sàng cho đánh giá giai đoạn 2. Cuộc đánh giá được thực hiện tại các địa điểm của doanh nghiệp nhằm xác định việc áp dụng và hiệu lực của hệ thống quản lý.

b) Kế hoạch chi tiết của cuộc đánh giá sẽ được gửi cho tổ chức/doanh nghiệp trước khi tiến hành đánh giá.

c) Quá trình đánh giá được tiến hành qua các bước sau đây:

- Hợp khai mạc: Đoàn chuyên gia đánh giá thông báo về lịch trình, phương pháp đánh giá và các quy định liên quan tới cuộc đánh giá;

- Đánh giá tại chỗ: chuyên gia đánh giá triển khai đánh giá tại các địa điểm đăng ký chứng nhận theo kế hoạch đánh giá đã thống nhất;

- Lập báo cáo đánh giá: chuyên gia đánh giá lập báo cáo kết quả đánh giá, báo cáo không phù hợp và khuyến nghị cải tiến;

- Hợp kết thúc: đoàn chuyên gia đánh giá trình bày kết quả đánh giá và kiến nghị của đoàn về cấp chứng nhận.

Điều 6. Đánh giá chứng nhận sản phẩm, hàng hóa

1. Chứng nhận sản phẩm, hàng hóa là hoạt động đánh giá để xác nhận sản phẩm, hàng hóa đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn cụ thể về tính năng, sự an toàn, khả năng tương tác và tính bền vững.

2. Khi tiến hành chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, doanh nghiệp và GIC Việt Nam sẽ lựa chọn phương thức chứng nhận thích hợp với đối tượng được đánh giá để đảm bảo độ tin cậy của kết quả đánh giá trong các phương thức sau:

- a) Phương thức 1: Thử nghiệm mẫu điển hình.
- b) Phương thức 2: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy trên thị trường.
- c) Phương thức 3: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.
- d) Phương thức 4: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất và trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.
- đ) Phương thức 5: Thử nghiệm mẫu điển hình và đánh giá quá trình sản xuất; giám sát thông qua thử nghiệm mẫu lấy tại nơi sản xuất hoặc trên thị trường kết hợp với đánh giá quá trình sản xuất.
- e) Phương thức 6: Đánh giá và giám sát hệ thống quản lý.
- g) Phương thức 7: Thử nghiệm, đánh giá lô sản phẩm, hàng hóa.
- h) Phương thức 8: Thử nghiệm hoặc kiểm định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa.

3. Quá trình lấy mẫu, số lượng mẫu thử nghiệm được thực hiện theo quy định cụ thể của tiêu chuẩn, quy chuẩn chứng nhận. Việc thử nghiệm mẫu được tiến hành tại Phòng thử nghiệm (PTN) đã được công nhận ISO/IEC 17025 hoặc tương đương. GIC Việt Nam cung cấp danh sách các PTN đã được công nhận để doanh nghiệp lựa chọn. Chi phí thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp chịu trách nhiệm và thanh toán trực tiếp với PTN.

4. Khi áp dụng phương thức chứng nhận có đánh giá quá trình sản xuất tại địa điểm của doanh nghiệp, GIC Việt Nam sẽ thành lập đoàn chuyên gia đánh giá gồm chuyên gia đánh giá điều kiện đảm bảo chất lượng và chuyên gia kỹ thuật đánh giá quá trình sản xuất và lấy mẫu thử nghiệm (Một chuyên gia có thể đảm nhiệm cả hai vị trí này). Quá trình đánh giá được tiến hành tương tự đánh giá giai đoạn 2 hệ thống quản lý tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 7. Thực hiện hành động khắc phục

1. Tổ chức/doanh nghiệp phải thực hiện các hành động khắc phục đối với các điểm không phù hợp được phát hiện trong quá trình đánh giá và gửi báo cáo kèm theo bằng chứng cho GIC Việt Nam trong vòng 1 tháng đối với điểm không phù hợp nhẹ và 3 tháng đối với điểm không phù hợp nặng. Nếu không thực hiện

hành động khắc phục được GIC Việt Nam chấp nhận trong thời gian trên thì toàn bộ kết quả đánh giá chứng nhận sẽ bị huỷ bỏ.

2. Trong quá trình xem xét hồ sơ về thực hiện khắc phục, GIC Việt Nam có thể yêu cầu bổ sung bằng chứng hoặc thực hiện thêm các hành động khắc phục khác. Trường hợp kết quả đánh giá có điểm không phù hợp nặng, GIC Việt Nam sẽ xem xét và quyết định việc đánh giá lại các yếu tố liên quan đến điểm không phù hợp nặng tại địa điểm của tổ chức/doanh nghiệp.

Điều 8. Thẩm xét, quyết định hoặc từ chối cấp chứng nhận

1. Sau khi hoàn tất cuộc đánh giá và thực hiện đầy đủ các yêu cầu về hành động khắc phục (nếu có), GIC Việt Nam sẽ tiến hành thẩm xét để quyết định hoặc từ chối việc cấp chứng nhận. Hồ sơ thẩm xét bao gồm:

- Đăng ký đánh giá chứng nhận và các hồ sơ kèm theo;
- Kế hoạch đánh giá;
- Báo cáo kết quả đánh giá, kết quả thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa của PTN (đối với chứng nhận sản phẩm, hàng hóa);
- Báo cáo khắc phục kèm các lỗi theo các bằng chứng (nếu có).

2. GIC Việt Nam sẽ ra quyết định cấp chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa và/hoặc hệ thống quản lý cho tổ chức/doanh nghiệp khi quá trình đánh giá được thực hiện theo đúng các quy định và kết quả đánh giá thể hiện tổ chức/doanh nghiệp đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chứng nhận hoặc từ chối cấp chứng nhận nếu tổ chức/doanh nghiệp không thực hiện hành động khắc phục được chuyên gia đánh giá chấp nhận trong thời gian quy định.

3. Chứng nhận có hiệu lực trong 03 năm tính từ ngày quyết định cấp chứng nhận kèm theo các yêu cầu về giám sát định kỳ được quy định bên dưới.

Chương III GIÁM SÁT VÀ CHỨNG NHẬN LẠI

Điều 9. Đánh giá giám sát

1. Trong thời gian 3 năm hiệu lực chứng nhận, GIC Việt Nam sẽ tiến hành đánh giá giám sát và duy trì thường niên sự phù hợp của hệ thống, sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận so với các yêu cầu chứng nhận. Đánh giá giám sát được tiến hành theo chu kỳ ít nhất 12 tháng/lần kể từ ngày đầu của hiệu lực chứng nhận.

2. Nội dung đánh giá giám sát tùy thuộc vào sản phẩm, hàng hóa và/hoặc hệ thống được chứng nhận theo các nguyên tắc sau đây:

a) Đối với chứng nhận các hệ thống quản lý: GIC Việt Nam sẽ đánh giá một phần các yêu cầu của tiêu chuẩn chứng nhận và tại một số địa điểm đã được chứng nhận. Nội dung và địa điểm đánh giá sẽ được thay đổi trong các lần đánh giá giám sát để đảm bảo trong thời gian hiệu lực chứng nhận, tất cả các yếu tố của hệ thống chứng nhận đều được xem xét, đánh giá.

b) Đối với chứng nhận sản phẩm, hàng hóa: các lần giám sát sẽ đánh giá một phần các yêu cầu về điều kiện đảm bảo chất lượng quá trình sản xuất và thử nghiệm mẫu sản phẩm, hàng hóa lấy tại nơi sản xuất và/hoặc trên thị trường.

3. Nội dung cụ thể của từng lần đánh giá giám sát sẽ được GIC Việt Nam thông báo cho tổ chức/doanh nghiệp qua kế hoạch đánh giá giám sát.

4. Quá trình đánh giá được thực hiện tương tự cuộc đánh giá chứng nhận lần đầu quy định tại Điều 5 và Điều 6. Tổ chức/doanh nghiệp phải khắc phục các điểm không phù hợp trong thời gian 1 tháng kể từ ngày đánh giá giám sát. Khi không thực hiện sẽ bị xem xét đình chỉ chứng nhận theo quy định tại Điều 14.

Điều 10. Đánh giá chứng nhận lại

1. Hai tháng trước khi hết hiệu lực chứng nhận, GIC Việt Nam sẽ thông báo để tổ chức/doanh nghiệp tiến hành các thủ tục đăng ký đánh giá, cấp lại chứng chỉ mới.

2. Tổ chức/doanh nghiệp có trách nhiệm sắp xếp và thực hiện cuộc đánh giá trước khi chứng nhận hết hiệu lực để duy trì hiệu lực chứng nhận. Nếu chưa tiến hành được cuộc đánh giá lại hoặc chưa khắc phục được các điểm không phù hợp nặng thì chứng nhận sẽ hết hiệu lực.

3. Trong vòng 6 tháng sau khi không duy trì được hiệu lực chứng nhận, nếu tổ chức/doanh nghiệp hoàn thành các yêu cầu chứng nhận sẽ được xem xét, khôi phục chứng nhận. Quá thời hạn này, tổ chức/doanh nghiệp phải đánh giá lại toàn bộ hoặc thực hiện cuộc đánh giá giai đoạn 2 để được cấp lại chứng nhận.

Điều 11. Đánh giá đột xuất

1. Khi tổ chức/doanh nghiệp có yêu cầu mở rộng phạm vi đã được chứng nhận, GIC Việt Nam sẽ xem xét phạm vi yêu cầu để quyết định thực hiện cuộc đánh giá đột xuất hoặc kết hợp kiểm tra trong kỳ đánh giá giám sát để cấp chứng nhận phạm vi mở rộng.

2. GIC Việt Nam có thể tiến hành các cuộc đánh giá đột xuất khi cần điều tra khiếu nại đối với tổ chức/doanh nghiệp hoặc giám sát chứng nhận bị đình chỉ hay đánh giá những thay đổi có ảnh hưởng tới hệ thống hoặc sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận.

Chương IV MỞ RỘNG, THU HẸP PHẠM VI CHỨNG NHẬN

Điều 12. Mở rộng phạm vi chứng nhận

1. Phạm vi chứng nhận được xác định bởi lĩnh vực, địa điểm chứng nhận đối với chứng nhận hệ thống quản lý và loại sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận đối với chứng nhận sản phẩm, hàng hóa.

2. Sau khi được chứng nhận, tổ chức/doanh nghiệp có thể yêu cầu mở rộng phạm vi chứng nhận cho các lĩnh vực, địa điểm, sản phẩm, hàng hóa khác vào bất cứ thời gian nào.

3. Quá trình đánh giá mở rộng phạm vi chứng nhận có thể được thực hiện trong các cuộc đánh giá giám sát, đánh giá chứng nhận lại hoặc một cuộc đánh giá độc lập theo yêu cầu của tổ chức/doanh nghiệp được chứng nhận.

Điều 13. Thu hẹp phạm vi chứng nhận

Phạm vi chứng nhận có thể bị thu hẹp nếu kết quả đánh giá cho thấy tổ chức/doanh nghiệp được chứng nhận không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu chứng nhận đối với phạm vi đã đăng ký hoặc đã được chứng nhận.

Chương V

ĐÌNH CHỈ, KHÔI PHỤC, HỦY BỎ CHỨNG NHẬN

Điều 14. Đình chỉ và khôi phục chứng nhận

1. Chứng chỉ và hiệu lực chứng nhận hệ thống quản lý và/hoặc sản phẩm, hàng hóa đã cấp cho tổ chức/doanh nghiệp sẽ bị xem xét việc đình chỉ hiệu lực trong thời gian tối đa là 03 tháng trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức được chứng nhận không bố trí để GIC Việt Nam thực hiện việc đánh giá giám sát theo kế hoạch đã thông báo.
- b) Có khiếu nại kèm theo bằng chứng cho thấy tổ chức/doanh nghiệp không duy trì sự phù hợp của hệ thống quản lý và/hoặc sản phẩm, hàng hóa chứng nhận theo các yêu cầu chứng nhận.
- c) Tổ chức/doanh nghiệp sử dụng chứng chỉ hoặc biểu tượng (logo) được chứng nhận không đúng quy định.
- d) Không thực hiện các yêu cầu về hành động khắc phục được chấp nhận trong thời hạn quy định.
- e) Các trường hợp khác như: có những hành vi làm ảnh hưởng xấu tới hoạt động chứng nhận... sẽ do GIC Việt Nam xem xét, quyết định.

2. Hiệu lực chứng nhận hệ thống quản lý và/hoặc sản phẩm, hàng hóa bị đình chỉ sẽ được GIC Việt Nam khôi phục sau khi lý do bị đình chỉ được tổ chức/doanh nghiệp khắc phục, xử lý.

Điều 15. Hủy bỏ chứng nhận

1. Chứng chỉ và hiệu lực chứng nhận hệ thống quản lý và/hoặc sản phẩm, hàng hóa đã cấp cho tổ chức/doanh nghiệp sẽ bị hủy bỏ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổ chức/doanh nghiệp không khắc phục các lỗi bị đình chỉ chứng nhận trong vòng 3 tháng.
- b) Không thanh toán đầy đủ các khoản chi phí đánh giá theo quy định.

2. Tổ chức/doanh nghiệp có nhu cầu được chứng nhận lại thì cuộc đánh giá được thực hiện ít nhất sau 1 năm kể từ ngày quyết định hủy bỏ chứng nhận.

Chương VI

SỬ DỤNG BIỂU TƯỢNG CHỨNG NHẬN

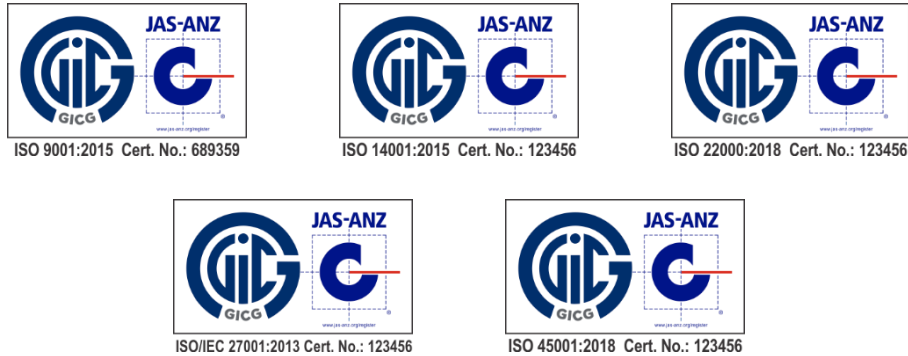
Điều 16. Biểu tượng (logo) chứng nhận hệ thống quản lý:

1. Sau khi được chứng nhận, tổ chức/doanh nghiệp được GIC Việt Nam cấp file biểu tượng (logo) chứng nhận tương ứng với lĩnh vực chứng nhận kèm theo dấu của tổ chức công nhận (nếu có).

2. Biểu tượng chứng nhận luôn kèm theo số hiệu tiêu chuẩn, số chứng nhận (Cert. No.) và dấu của tổ chức công nhận (nếu có) như hình bên dưới.



Hình 1: Logo chứng nhận mang dấu công nhận của UKAS (Anh)



Hình 2: Logo chứng nhận mang dấu công nhận của JAS-ANZ (Hệ thống công nhận chung của Úc và New Zealand)



Hình 3: Logo chứng nhận SA8000 mang dấu công nhận của SAI



Hình 4: Logo chứng nhận mang dấu công nhận của BoA (Việt Nam)



Hình 5: Logo chứng nhận không mang dấu công nhận

3. Sử dụng biểu tượng được chứng nhận:

a) Tổ chức/doanh nghiệp được sử dụng biểu tượng được chứng nhận trên các tài liệu như catalogue, báo giá, danh thiếp hoặc trên các phương tiện thông tin thích hợp khác.

b) Biểu tượng chứng nhận phải được tái tạo như hình chuẩn. Khi cần thiết có thể sử dụng biểu tượng dạng một màu đồng nhất, không được phối các màu khác với màu chuẩn. Biểu tượng có thể được phóng to hay thu nhỏ theo tỷ lệ giữ nguyên hình chuẩn và phải nhìn rõ được.

c) Không được sử dụng biểu tượng chứng nhận trong các trường hợp sau: sử dụng ngoài phạm vi được chứng nhận; sử dụng theo cách thức có thể gây nhầm lẫn với các lĩnh vực chứng nhận khác như chứng nhận sản phẩm; sử dụng logo công nhận UKAS, JAS-ANZ... mà không kèm theo logo và số hiệu được chứng nhận của GIC; sử dụng trong báo cáo kết quả thử nghiệm, giấy chứng nhận hiệu chuẩn hoặc báo cáo kết quả hay chứng thư giám định.

d) Khi sử dụng tuyên bố trên bao bì sản phẩm hoặc thông tin kèm theo sản phẩm về hệ thống quản lý đã được chứng nhận, phải đảm bảo tuyên bố theo cách không gây hiểu lầm là sản phẩm được chứng nhận. Tuyên bố phải viện dẫn đến: tên hay logo của tổ chức/doanh nghiệp, hệ thống quản lý và tiêu chuẩn chứng nhận, tên của tổ chức chứng nhận.

Điều 17. Biểu tượng chứng nhận sản phẩm, hàng hóa

1. Biểu tượng chứng nhận sản phẩm, hàng hóa gồm biểu tượng GIC, số hiệu tiêu chuẩn, số chứng nhận (Cert. No.:) và dấu của tổ chức công nhận (nếu có) như hình bên dưới:



Hình 6: Logo chứng nhận sản phẩm mang dấu công nhận của BoA (Việt Nam)



Hình 7: Logo chứng nhận sản phẩm không mang dấu công nhận

2. Sử dụng biểu tượng được chứng nhận

a) Tổ chức/doanh nghiệp được sử dụng biểu tượng được chứng nhận trên sản phẩm, bao bì sản phẩm, hàng hóa, trong các văn bản giao dịch, tài liệu quảng cáo, giới thiệu về tổ chức/doanh nghiệp, danh thiếp... nhằm thể hiện rằng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức/doanh nghiệp đã được đánh giá, chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn hay các quy định cụ thể.

b) Biểu tượng chứng nhận phải được tái tạo như hình chuẩn. Khi cần thiết có thể sử dụng biểu tượng dạng một màu đồng nhất, không được phối các màu khác với màu chuẩn. Biểu tượng có thể được phóng to hay thu nhỏ theo tỷ lệ giữ nguyên hình chuẩn và phải nhìn rõ được.

Điều 18. Chấm dứt sử dụng biểu tượng chứng nhận

Tổ chức/doanh nghiệp phải chấm dứt việc sử dụng biểu tượng được chứng nhận khi bị hủy bỏ chứng nhận hoặc chứng nhận hết hiệu lực./.

Chương VII QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng được chứng nhận

1. Đảm bảo sản phẩm, hàng hóa, hệ thống quản lý đăng ký chứng nhận đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

2. Cung cấp các thông tin cần thiết và bố trí, sắp xếp để GIC Việt Nam tiến hành đánh giá theo phạm vi đã thỏa thuận; chịu trách nhiệm đảm bảo những tài liệu cung cấp cho GIC Việt Nam không vi phạm bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa, giấy phép và các quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên nào.

3. Thực hiện các yêu cầu về khắc phục sai lỗi và/hoặc hành động khắc phục nhằm ngăn ngừa sai lỗi tái diễn trong thời gian quy định.

4. Trả đầy đủ phí chứng nhận theo hợp đồng chứng nhận đã ký kết.

5. Được sử dụng chứng chỉ và biểu tượng chứng nhận, công nhận phù hợp phạm vi được chứng nhận và các quy định tại Điều 16 và Điều 17.

6. Khiếu nại với GIC Việt Nam và/hoặc Hội đồng Chứng nhận GIC Việt Nam khi có những vấn đề không thống nhất liên quan tới quyết định của quá trình đánh giá, cấp chứng nhận.

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của GIC Việt Nam

1. Cử đoàn chuyên gia có đủ năng lực thực hiện cuộc đánh giá theo thời gian và phạm vi đã thỏa thuận.

2. Cấp chứng chỉ và logo chứng nhận sau khi tổ chức/doanh nghiệp đăng ký chứng nhận thực hiện đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận.

3. Đình chỉ hoặc hủy bỏ/thu hồi chứng chỉ, logo chứng nhận khi tổ chức/doanh nghiệp được chứng nhận vi phạm các quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Quy định này.

Chương VIII CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 21. Cung cấp thông tin

1. GIC Việt Nam duy trì danh sách các tổ chức/doanh nghiệp được chứng nhận kèm theo phạm vi, sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận. Danh sách này được cung cấp cho các bên có liên quan khi có yêu cầu.

2. Thông tin về việc cấp chứng chỉ cho tổ chức/doanh nghiệp, cấp lại hoặc hủy bỏ có thể được GIC Việt Nam thông báo rộng rãi.

Điều 22. Bảo mật

Mọi thông tin khác liên quan đến tổ chức/doanh nghiệp được chứng nhận được GIC Việt Nam bảo mật.

Nơi nhận:

- Tổ chức/doanh nghiệp đăng ký chứng nhận;
- Hội đồng Chứng nhận;
- Lưu GIC Việt Nam.

**TM. HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)